

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2025/DS-ST
Ngày: 28-4-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ Linh.

2. Bà Trần Thị Út .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mỹ Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2025/QĐST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần B (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần L (L1); trụ sở chính: L2, số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Đức T – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Hữu T1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B chi nhánh H1. Địa chỉ: Số C, đường N, phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Ông Trần Hữu T1 ủy quyền lại cho: Anh Lương Nhân H – Chức vụ: Trưởng nhóm xử lý nợ - TT.XLN Pháp lý - Khối xử lý nợ. Địa chỉ: Số C N, Phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn T2, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần () Bưu Điện B (nay là Ngân hàng TMCP L) trình bày:

Anh Trần Văn T2 có vay vốn tại Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhân ng số HDTD803202200238 ký ngày 27/01/2022, cụ thể như sau: Số tiền vay: 50.000.000 đồng. Thời hạn vay: 11 tháng kể từ ngày 28/01/2022 đến hết ngày 26/12/2022. Phương thức cho vay: Từng lần. Ngày giải ngân: 26/12/2022. Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả cuối kỳ ngày 26/12/2022. Kỳ hạn trả lãi: Trả hàng quý, ngày 26/04/2022, 26/07/2022, 26/10/2022, 26/12/2022. Ngày trả nợ cuối cùng: 26/12/2022. Mục đích sử dụng vốn: Trồng lúa, nuôi lợn. Lãi suất cho vay: 13%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Tuy nhiên, khi đến kỳ hạn trả gốc anh T2 và Ngân hàng tiếp tục ký thêm phụ lục hợp đồng cho vay lưu vụ số: PL01 HDTD803202200238 ngày 26/12/2022, điều chỉnh một số nội dung của Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhân ng số HDTD803202200238 ký ngày 27/01/2022 như sau: Phương thức cho vay: Lưu vụ. Số tiền cho vay: Dư nợ gốc của chu kỳ trước là 50.000.000 đồng. Thời hạn vay: 11 tháng kể từ ngày 26/12/2022 đến hết ngày 22/11/2023. Lãi suất là 15,8%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 22/3/2023; 22/6/2023; 22/9/2023; 22/11/2023. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh T2 không thực hiện đúng cam kết. Khoản nợ vay đã quá hạn từ ngày 22/11/2023 cho đến nay.

Dư nợ tạm tính đến ngày 02/5/2025, anh Trần Văn T2 còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B với tổng số tiền: 58.674.422 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc chưa trả: 49.999.951 đồng; Lãi trong hạn chưa trả: 3.276.625 đồng. Nợ lãi quá hạn chưa trả: 5.370.846 đồng.

Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) đã nhiều lần yêu cầu anh T2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay. Nhưng anh T2 vẫn không thực hiện hết nghĩa vụ trả nợ, đến nay khoản nợ đã quá hạn. Nay Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết các yêu cầu của Ngân hàng, cụ thể:

Buộc anh Trần Văn T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận ng số HDTD803202200238 ký ngày 27/01/2022 và Phụ lục hợp đồng cho vay lưu vụ số: PL01 HDTD803202200238 ngày 26/12/2022 với tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/4/2025 số tiền là 59.139.326 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc chưa trả: 39.999.951 đồng; Lãi trong hạn chưa trả: 3.276.625 đồng. Nợ lãi quá hạn chưa trả: 15.862.750 đồng. Phần lãi phát sinh từ ngày 28/4/2025 sẽ được tính theo lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn T2 đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được lời trình bày của ông T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn T2 trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn anh Trần Văn T2 có nơi cư trú tại ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Bị đơn anh Trần Văn T2 đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T2 nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của anh T2 theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L), Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B và anh Trần Văn T2 có ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD803202200238 ký ngày 27/01/2022 và Phụ lục hợp đồng cho vay lưu vụ số: PL01 HDTD803202200238 ngày 26/12/2022. Căn cứ hợp đồng ngân hàng đã giải ngân cho anh Trần Văn T2 với số tiền vốn là 50.000.000 đồng. Sau khi nhận nợ thì anh T2 không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi cho ngân hàng, đến nay anh T2 không thanh toán nợ cho ngân hàng nên khoản vay này đã quá hạn. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì anh T2 còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền vốn là 39.999.951 đồng. Do anh T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định pháp luật.

[4]. Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng thương mại cổ phần B, xét thấy: Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD803202200238 ký ngày 27/01/2022 thỏa thuận lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 13%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Tuy nhiên, theo Phụ lục hợp đồng cho vay lưu vụ số: PL01 HDTD803202200238 ngày 26/12/2022 thỏa thuận lại lãi suất là 15,8%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi. Anh T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu anh T2 phải trả lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5]. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật khác có liên quan. Anh T2 đã vay tiền của Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc anh T2 chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) khởi kiện yêu cầu anh T2 trả tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng là 59.139.326 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Từ đó, có cơ sở buộc anh T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) số tiền vay còn nợ tổng cộng 59.139.326 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc chưa trả: 39.999.951 đồng; Lãi trong hạn chưa trả: 3.276.625 đồng. Nợ lãi quá hạn chưa trả: 15.862.750 đồng.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ được tính cụ thể như sau: 59.139.326 đồng x 5% = 2.956.966 đồng. Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.466.860 đồng theo lai thu số 0010308 phiếu lập ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) đối với anh Trần Văn T2.

2. Buộc anh Trần Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) số tiền vay còn nợ tổng cộng 59.139.326 đồng (năm mươi chín triệu một trăm ba mươi chín nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng). Trong đó: Dư nợ gốc chưa trả: 39.999.951 đồng (ba mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm năm mươi một đồng; Lãi trong hạn chưa trả: 3.276.625 đồng (ba triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng). Nợ lãi quá hạn chưa trả: 15.862.750 đồng (mười lăm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định

của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn T2 phải chịu là 2.956.966 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng). Ngân hàng TMCP B (nay là Ngân hàng TMCP L) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.466.860 đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi đồng) theo lai thu số 0010308 phiếu lập ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/4/2025). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Thới Phần